

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

D. 39
H. 00

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Minh Tuấn* Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Thị Ngọc* G. Viên chấm thi 1: *Mr. Ponce* G. Viên chấm thi 2: *Nguyễn Hà Thanh Vân*

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 39.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240030	Trần Thanh Thiên Ân	15/04/2006	CCQ2424A		<i>MT</i>	9,2	8,1	85	
2	2124240139	Đinh Thị Kim Anh	29/07/2006	CCQ2424A		<i>AT</i>	8,0	4,1	57	
3	2124240121	Trần Lê Hoài Anh	18/10/2006	CCQ2424A		<i>ATL</i>	9,0	8,2	85	
4	2124240012	Trình Thị Huỳnh Anh	12/10/2006	CCQ2424A		<i>HT</i>	8,5	4,6	62	
5	2124240128	Đinh Bùi Thanh Dân	28/10/2006	CCQ2424A		<i>DB</i>	9,0	7,7	82	
6	2124240114	Trần Thị Thùy Dung	15/04/2006	CCQ2424A		<i>Thuy</i>	9,0	6,1	73	
7	2124240129	Lê Thị Mỹ Duyên	04/03/2006	CCQ2424A		<i>MD</i>	8,7	4,4	61	
8	2124240025	Trần Thị Hằng	03/02/1990	CCQ2424A		<i>Bang</i>	9,5	8,0	86	
9	2124240146	Bùi Trung Hiếu	03/02/2006	CCQ2424A		<i>Bui</i>	8,5	6,0	70	
10	2124240032	Ngô Thị Thanh Hương	12/02/2006	CCQ2424A		<i>Huong</i>	8,5	3,1	53	
11	2124240002	Phan Thanh Kiên	01/01/2003	CCQ2424A		<i>Phan</i>	9,1	8,2	86	
12	2124240126	Đặng Nhật Linh	16/01/2006	CCQ2424A		<i>Ngay</i>	8,5	4,6	62	
13	2124240023	Dương Nhựt Linh	05/02/2006	CCQ2424A		<i>Li</i>	9,4	8,8	90	
14	2124240034	Trần Huỳnh Phương Linh	04/04/2006	CCQ2424A		<i>Phuoc</i>	9,0	8,0	84	
15	2124240018	Nguyễn Trần Sương Mai	02/10/2006	CCQ2424A		<i>Tr</i>	8,0	4,2	57	
16	2124240149	Phan Đức Mạnh	11/12/2001	CCQ2424A		<i>Mạnh</i>	9,3	9,9	97	
17	2124240125	Nguyễn Thị Yến Minh	04/04/2006	CCQ2424A		<i>Yen</i>	9,0	5,6	70	
18	2124240004	Nguyễn Thị Thúy Nga	30/06/2006	CCQ2424A		<i>Ngay</i>	8,7	7,8	82	
19	2124240109	Trần Kim Ngân	17/08/2006	CCQ2424A		<i>Ngan</i>	8,6	6,2	72	
20	2124240133	Vũ Hoàng Phương Nghi	11/06/2006	CCQ2424A		<i>Ngay</i>	9,0	7,5	81	
21	2124240145	Lưu Trần Bảo Ngọc	21/05/2006	CCQ2424A		<i>Ngoc</i>	8,7	6,5	74	
22	2124240026	Trần Khánh Ngọc	14/11/2006	CCQ2424A		<i>Ngoc</i>	8,0	4,6	60	HP
23	2124240022	Nguyễn Huỳnh Nương Nhã	05/04/2006	CCQ2424A		<i>Nha</i>	8,0	3,8	55	
24	2124240017	Đoàn Thị Thu Nhi	09/05/2005	CCQ2424A		<i>Nhi</i>	8,0	5,6	66	
25	2124240009	Nguyễn Phương Nhi	30/04/2006	CCQ2424A		<i>Nhi</i>	8,8	6,7	75	
26	2124240031	Lê Thị Quỳnh Như	27/09/2006	CCQ2424A		<i>Nhu</i>	8,7	4,3	61	
27	2124240028	Nguyễn Quỳnh Như	15/06/2006	CCQ2424A		<i>Nhu</i>	8,3	3,0	51	
28	2124240008	Đặng Thị Hồng Nhung	08/02/2006	CCQ2424A		<i>Nhung</i>	8,5	4,7	62	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 GV viên chấm thi 1 GV viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240041	Diệp Thuận	Phát	01/07/2005	CCQ2324B		8,0	3,5	5,3	
30	2124240019	Nguyễn Minh	Phương	29/01/2003	CCQ2424A		9,5	8,0	8,6	
31	2122240194	Phạm Kim	Phương	19/09/2004	CCQ2224F		9,3	8,1	8,6	
32	2121240176	Đoàn Xuân	Quí	16/06/1999	CCQ2124F		0,0			
33	2124240127	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	10/12/2006	CCQ2424A		8,0	3,9	5,5	
34	2124240005	Nguyễn Đào Châu	Thuận	14/02/2004	CCQ2424A		9,3	7,0	7,9	
35	2124240013	Nguyễn Lê Phương	Thùy	08/09/2006	CCQ2424A		9,2	5,5	7,0	
36	2124240035	Ngô Minh	Tiến	25/10/2006	CCQ2424A		8,5	7,1	7,7	
37	2124240006	Nguyễn Thị Thái	Tiến	28/11/2005	CCQ2424A		9,4	8,6	8,9	
38	2124240014	Nguyễn Thanh	Trúc	18/09/2006	CCQ2424A		8,5	6,4	7,2	
39	2124240020	Lê Minh	Tuấn	01/10/2006	CCQ2424A		0,0			
40	2124240003	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	25/09/1998	CCQ2424A		9,2	8,2	8,6	
41	2124240007	Lâm Thị Như	Ý	01/06/2004	CCQ2424A		9,5	9,5	9,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Mr. Ponce

P. 31
H: 6

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439102)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240067	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	20/06/2005	CCQ2424B		8,7	6,2	7.1	
2	2124240117	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	12/10/2006	CCQ2424B		9,0	5,6	7.0	
3	2124240065	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/04/2003	CCQ2424B		0,0			
4	2124240057	Vũ Nguyễn Quỳnh	Anh	22/09/2006	CCQ2424B		8,8	6,8	7.6	
5	2124240069	Vũ Duy	Bách	27/05/2004	CCQ2424B		9,4	9,2	9.3	
6	2124240142	Nguyễn Duy	Bình	06/11/2002	CCQ2424B		9,0	5,4	6.8	
7	2123240083	Nguyễn Văn	Cường	12/10/2005	CCQ2324C		0,0			HP
8	2124240060	Cáp Khánh	Hằng	06/07/2003	CCQ2424B		9,5	7,9	8.5	
9	2124240043	Lâm Phước	Hiếu	19/08/2006	CCQ2424B		9,2	8,0	8.5	
10	2124240041	Trần Phúc	Lộc	24/02/2006	CCQ2424B		9,1	5,9	7.2	
11	2124240051	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	04/01/2006	CCQ2424B		8,5	4,7	6.7	
12	2124240047	Nguyễn Thị Thuý	Nga	02/05/2006	CCQ2424B		9,0	5,8	7.1	
13	2124240066	Nguyễn Sĩ Bảo	Ngân	17/02/2003	CCQ2424B		9,2	9,2	9.2	
14	2124240064	Nguyễn Xuân	Nghi	19/11/2006	CCQ2424B		9,2	5,5	7.0	
15	2124240038	Trần Thụy Đông	Nghi	05/07/2006	CCQ2424B		0,0			HP
16	2124240113	Nguyễn Triệu Khánh	Ngọc	01/01/2006	CCQ2424B		8,5	5,3	6.6	
17	2124240070	Nguyễn Hương Thảo	Nguyên	04/04/2006	CCQ2424B		8,2	6,0	6.9	
18	2124240132	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	13/12/2004	CCQ2424B		9,0	9,0	9.0	
19	2124240131	Huỳnh Thiện	Nhi	22/04/2006	CCQ2424B		9,5	7,8	8.5	
20	2124240045	Phạm Thị Trúc	Nhi	13/03/2006	CCQ2424B		8,2	7,0	7.5	HP
21	2124240123	Đỗ Thành	Quan	13/06/2006	CCQ2424B		8,6	9,0	8.8	
22	2124240110	Nguyễn Phan Thảo	Quyên	27/09/2006	CCQ2424B		9,3	7,8	8.4	
23	2124240137	Nguyễn Chí	Thành	26/11/2003	CCQ2424B		8,6	8,3	8.4	
24	2124240112	Bùi Ngọc Phương	Thảo	10/11/2006	CCQ2424B		9,2	8,1	8.5	
25	2122240138	Hồ Phương	Thảo	01/11/2002	CCQ2224E		9,1	5,7	7.1	
26	2124240134	Huỳnh Thị Tấn	Thiện	21/03/2006	CCQ2424B		9,2	6,0	7.3	
27	2124240046	Phan Nguyễn Minh	Thư	30/05/2006	CCQ2424B		9,2	8,5	8.8	
28	2124240054	Đỗ Thành	Trung	15/08/2006	CCQ2424B		8,7	6,2	7.2	

77

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439102)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi:/.....

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124240048	Nguyễn Quốc Trung	05/02/2003	CCQ2424B			8,7			HP
30	2124240063	Nguyễn Thị Diễm	06/11/2006	CCQ2424B		<i>[Signature]</i>	9,3	5,5	70	
31	2124240058	Cao Thị Thúy	04/11/2004	CCQ2424B		<i>[Signature]</i>	9,0	7,3	80	
32	2124240056	Hồ Thanh	24/08/2004	CCQ2424B		<i>[Signature]</i>	9,4	7,3	81	
33	2124240143	Nguyễn Ngọc	05/06/2006	CCQ2424B		<i>[Signature]</i>	9,5	9,2	93	
34	2124240042	Nguyễn Thảo	14/10/2006	CCQ2424B		<i>[Signature]</i>	8,8	5,2	66	
35	2124240037	Trần Thị Kim	03/01/2006	CCQ2424B		<i>[Signature]</i>	9,1	7,4	81	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Mr. Ponce

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439103)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 40

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240101	Triệu Linh	Chi	28/10/2006	CCQ2424C	3	Chi	8,8	7,8	82
2	2124240073	Trần Thị	Diệu	07/01/2006	CCQ2424C	4	Bu	8,2	5,3	65
3	2125240035	Trương Mỹ	Dung	07/12/1995	CCQ2524A	2	W	9,2	7,3	81
4	2124240075	Hồ Thị Mỹ	Duyên	14/02/2006	CCQ2424C	2	nur	9,0	8,2	85
5	2124240103	Võ Thị Mỹ	Duyên	15/10/2006	CCQ2424C	4	Tiger	9,0	5,0	66
6	2124240071	Nguyễn Bảo Gia	Hân	09/04/2006	CCQ2424C	4	Hân	8,5	8,3	84
7	2124240080	Nguyễn Thị	Hoa	09/03/2006	CCQ2424C	4	Hoa	8,2	5,5	66
8	2124240094	Nguyễn Minh	Hương	06/07/2006	CCQ2424C	1	Qua	9,0	8,0	84
9	2124240098	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	04/12/2006	CCQ2424C	1	Qua	9,0	8,0	84
10	2124240085	Nguyễn Quang	Huy	16/02/2006	CCQ2424C	1	Qua	8,3	8,4	84
11	2124240074	Võ Hoàng	Linh	25/08/2006	CCQ2424C			0,0		
12	2124240088	Phan Tấn	Lộc	02/09/2005	CCQ2424C	1	Talco	9,0	8,1	85
13	2124240078	Đàm Thiêm	Mạnh	01/01/2005	CCQ2424C			0,0		HP
14	2124240099	Trần Ngọc Kỳ	Mỹ	09/01/2006	CCQ2424C	4	Mỹ	8,2	7,5	78
15	2124240077	La Thị Thanh	Ngoan	08/10/2006	CCQ2424C	4	Pygan	9,3	7,8	84
16	2123240127	Nguyễn Hoàng Thục	Nhiên	21/04/2005	CCQ2324A	1	Thi	8,2	6,8	74
17	2124240083	Nguyễn Trần Ngọc	Như	15/05/2006	CCQ2424C	4	Như	9,0	5,0	66
18	2123240105	Lê Đình Thái	Tài	13/07/2003	CCQ2324D	3	Thi	8,5	6,8	75
19	2124240092	Lê Thị Diễm	Thảo	23/05/2006	CCQ2424C	2	Qua	9,0	7,0	78
20	2124240081	Lê Xuân	Thảo	05/03/2005	CCQ2424C	2	Thi	8,5	5,2	65
21	2124240102	Bùi Quốc	Thịnh	04/10/2006	CCQ2424C	2	Thi	9,3	8,1	86
22	2124240104	Lê Lý Hưng	Thịnh	08/08/2006	CCQ2424C	4	Thi	9,0	8,3	86
23	2124240087	Nguyễn Văn	Thịnh	17/02/2006	CCQ2424C	1	Thi	9,8	8,8	92
24	2124240120	Lê Nguyễn Anh	Thư	05/02/2005	CCQ2424C	2	Thi	9,4	5,5	71
25	2124240135	Trần Thị Anh	Thư	17/04/2006	CCQ2424C	2	Thi	8,5	5,0	64
26	2123240051	Nguyễn Thị Chung	Thủy	10/10/2005	CCQ2324B	1	Thi	8,7	6,0	71
27	2124240086	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	31/01/2006	CCQ2424C	4	Thi	8,5	5,5	67
28	2124240116	Nguyễn Tăng Thanh	Trà	08/07/2006	CCQ2424C	2	Thi	9,0	5,7	70

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Mr. Ponce

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439103)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 40

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Ngọc Châu

Phạm Văn Mỹ

Nguyễn Ngọc Châu

Phạm Văn Mỹ

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124240095	Nguyễn Phương	Trâm	13/08/2006	CCQ2424C	3	Trâm	9,5	9,0	92	
30	2124240115	Võ Quỳnh	Trâm	09/07/2006	CCQ2424C	4	Trâm	9,0	7,3	80	
31	2124240027	Quách Bảo	Trân	29/08/2006	CCQ2424C	2	Trân	8,5	6,5	73	
32	2124240124	Lã Minh	Trí	12/11/2006	CCQ2424C	2	Có thi	9,2	9,3	93	
33	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	Trình	25/06/2005	CCQ2324C	2	Trần	8,2	5,2	69	HP
34	2124240091	Trần Thị Kiều	Trình	19/09/2004	CCQ2424C	3	Trần	9,2	8,5	88	
35	2124240084	Trần Việt	Trình	31/03/2006	CCQ2424C	2	Trần	9,2	7,9	84	
36	2124240096	Lê Ngọc Thanh	Trúc	03/03/2006	CCQ2424C	1	Trần	9,0	7,6	82	
37	2124240090	Bùi Đặng Quang	Trung	25/10/2005	CCQ2424C	2	Có thi	9,0	9,3	92	
38	2124240118	Hồ Nhật	Tường	27/03/2006	CCQ2424C	2	Trần	8,5	8,1	83	
39	2124240079	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/04/2006	CCQ2424C	4	Trần	8,8	5,5	68	
40	2124240105	Đỗ Quốc	Việt	12/09/2006	CCQ2424C	3	Trần	9,4	8,5	89	
41	2124240122	Trần Hoàng Khánh	Vy	23/12/2006	CCQ2424C	4	Trần	9,3	8,1	86	
42	2124240108	Trần Thảo	Vy	24/10/2006	CCQ2424C	3	Trần	9,1	8,0	84	